

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Ngày phát hành/Ngày hiệu
chỉnh

25 Tháng Mười 2021

Phiên 4.01
bản

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm	:	00419374
Tên sản phẩm	:	HI-TEMP 1000 ALUMINUM
Số CAS	:	Không áp dụng.
Số đăng ký EC	:	Hỗn hợp.
Loại sản phẩm	:	Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến
nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Phủ.
Các ứng dụng chuyên nghiệp, Dùng bằng cách phun.

**Các mục đích sử dụng
không được khuyến cáo** : Sản phẩm không có ý định, dán nhãn hoặc đóng gói để sử dụng cho người tiêu
dùng.

**Thông tin chi tiết về nhà
cung cấp** : PPG Yung Chi Coatings Co. Ltd
Lô 219, đường Amata,
KCN Long Bình Hiện Đại,
TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
+84 61 3936121/22

**Số điện thoại khẩn cấp (với
giờ hoạt động)** : CHEMTREC +(84)-444581938 (CCN 17704)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3
ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 2
KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Kích
ứng đường hô hấp) - Loại 3
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẬP LẠI - Loại
2
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2
Tỷ lệ phần trăm hỗn hợp chứa (các) thành phần độc tố cấp tính không xác định qua
da: 59.6%
Tỷ lệ phần trăm (các) hợp phần các chất nguy hại cho môi trường nước trong hỗn
hợp: 61.1%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Từ cảnh báo	: Cảnh báo
Cảnh báo nguy cơ	: Hơi và chất lỏng dễ cháy. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây kích ứng hô hấp. Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (hệ thống thần kinh trung ương (CNS)) Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Các công bố về phòng ngừa	
Ngăn chặn	: Mang găng tay bảo hộ, quần áo bảo hộ và đồ bảo hộ mắt hoặc là đồ bảo hộ mặt. Giữ tránh xa nguồn nóng, tia lửa, ngọn lửa tràn và bề mặt nóng. Không được hút thuốc. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở một khu vực được thông khí tốt. Tránh thải ra môi trường. Không hít thở hơi. Rửa kỹ lưỡng sau khi xử lý.
Phản ứng	: Thu gom chất tràn. Hãy tìm chăm sóc/tư vấn y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe. NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Tháo bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Súc rửa bằng nước. NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hay bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng da: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư vấn y tế. NẾU BỊ DÍNH VÀO MẮT: Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư vấn y tế.
Lưu trữ	: Cất giữ khóa kín. Cất giữ ở một nơi thông gió tốt. Giữ cho thùng chứa được đậy kín.
Xử lý	: Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Lộ trình vào	: Không có sẵn.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế	: Hỗn hợp
--------------	-----------

Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác

Số CAS	: Không áp dụng.
Số đăng ký EC	: Hỗn hợp.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
dimetyl cacbon	616-38-6	C3-H6-O3	≥10 - ≤21
dung môi stoddard	8052-41-3	-	<10
xylene	1330-20-7	C8-H10	≤10
1-nitropropan	108-03-2	C3-H7-N-O2	≤3
kẽm oxit	1314-13-2	O-Zn	≤3
etyl benzen	100-41-4	C8-H10	≤2.6
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	64742-95-6	-	≤2.4
cristobalite (<10 microns)	14464-46-1	O2-Si	≤3
1,2,4-trimethylbenzene	95-63-6	C9-H12	≤1.2

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Mã SUB đại diện cho những chất mà không có số CAS được đăng ký.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- | | |
|--------------------------|---|
| Tiếp xúc mắt | : Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, mở to mắt khi rửa. Tim hô trợ y tế ngay. |
| Hít phải | : Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Đừng sử dụng dung môi hay chất pha loãng. |
| Nuốt phải | : Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. KHÔNG cố tạo cho nôn mửa. |

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|--------------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Hít phải | : Có thể gây kích ứng hô hấp. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Lấy mờ trong da. |
| Nuốt phải | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- | | |
|--------------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ |
| Hít phải | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: dị ứng đường hô hấp ho |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ khô da nứt da |
| Nuốt phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- | | |
|--------------------------------------|---|
| Lưu ý đối với bác sĩ điều trị | : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ. |
| Điều trị cụ thể | : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt. |
| Bảo vệ nhân viên sơ cứu | : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. |

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠT

Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bột.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Đừng dùng tia nước.
- Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Hơi và chất lỏng dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.
- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
cacbon oxit
ôxít nitơ
ôxít kim loại
Formaldehyd.
- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tất tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoảng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".
- Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thả ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Khi tràn đồ, dò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chổ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đụng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô tro và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đồ, dò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chổ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đụng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chổ đổ bằng chất không cháy nổ, thải thầu, ví dụ, cát, đất, đá cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoảng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đụng ban đầu hoặc trong một đồ đụng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cắt giữ và sử dụng xa chổ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đụng đã dỗ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Các vật liệu như là giẻ lau, khăn giấy và y phục bảo vệ có bị ô nhiễm với sản phẩm này có thể tự phát cháy sau vài giờ đồng hồ. Để tránh rủi ro hỏa hoạn, tất cả những vật liệu bị ô nhiễm nên được đê trong các đồ đụng dành riêng cho mục đích này hoặc trong các thùng đựng bằng kim loại có nắp đậy tự động và thật kín. Các vật liệu bị ô nhiễm nên được đem ra khỏi nơi làm việc vào cuối mỗi ngày làm việc và được cắt giữ ngoài trời.
- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương ky** : Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 0 đến 35°C (32 đến 95°F). Cắt giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cắt giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đụng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đụng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất ky tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
dung môi stoddard	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). TWA: 525 mg/m ³ 8 giờ.
xylene	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). STEL: 300 mg/m ³ 15 phút. TWA: 100 mg/m ³ 8 giờ.
1-nitropropan	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). STEL: 60 mg/m ³ 15 phút. TWA: 30 mg/m ³ 8 giờ.
kẽm oxit	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019). TWA: 5 mg/m ³ 8 giờ. Biểu mẫu: Bụi và khói TWA: 2 mg/m ³ 8 giờ. Biểu mẫu: Bụi có thể hô hấp phải TWA: 4 mg/m ³ 8 giờ. Biểu mẫu: nồng độ bụi toàn phần
etyl benzen	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2020). TWA: 20 ppm 8 giờ.
cristobalite (<10 microns)	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2020). TWA: 0.025 mg/m ³ 8 giờ. Biểu mẫu: Phần nhỏ có thể hô hấp phải
1,2,4-trimethylbenzene	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2020). TWA: 123 mg/m ³ 8 giờ. TWA: 25 ppm 8 giờ.

Quy trình theo dõi đề nghị

: Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

: Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

: Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Biện pháp vệ sinh

: Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bão an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Bảo vệ mắt

: Kính chống văng hóa chất.

Mã sản phẩm	00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản	4.01
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM					
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN					

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

: Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

Găng tay

: Khi phải xử lý nhiều lần hoặc trong một thời gian dài, hãy dùng những loại bao tay sau đây:

Có thể được sử dụng: cao su nitril

Khuyến cáo: Cao su butyl, polyvinyl alcohol (PVA), Viton®

Bảo vệ thân thể

: Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.

Biện pháp bảo vệ da khác

: Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp

: Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Nếu người lao động bị phơi nhiễm vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý

: Chất lỏng.

Màu sắc

: Màu trắng bạc.

Mùi

: Đặc tính.

Nguồn gốc về mùi

: Không có sǎn.

pH

: Không áp dụng.

Điểm nóng chảy

: Không có sǎn.

Điểm sôi

: >37.78°C (>100°F)

Điểm bùng cháy

: Cốc đậm kín: 27°C (80.6°F)

Tỷ lệ hóa hơi

: Không có sǎn.

Khả năng cháy (chất rắn, khí)

: Không có sǎn.

Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên

: Mức độ lớn nhất được biết: Thấp hơn: 2.2% Trên: 11% (1-nitropropan)

Áp suất hóa hơi

: Không có sǎn.

Tỷ trọng hơi

: Không có sǎn.

Mật độ tương đối

: 1.24

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Tính hòa tan	: Không hòa tan trong các vật liệu sau đây: nước lạnh.
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không áp dụng.
Nhiệt độ tự cháy	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
Tính dẻo	: Động lực học (40°C): >21 mm ² /s

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Khi bị phơi nhiễm ở các mức nhiệt độ cao có thể sản sinh ra các sản phẩm phân hủy độc hại.
Các vật liệu không tương thích	: Tránh xa ra các chất sau đây để phòng ngừa phản ứng tỏa nhiệt mạnh: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.
Sản phẩm phân rã có mối nguy	: Tùy thuộc vào điều kiện, các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các tài liệu sau đây: cacbon oxit ôxít nitơ Formaldehyd. ôxít kim loại

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
dimetyl cacbon	LC50 Hít phải Hơi LD50 Ngoài da	Chuột	140000 mg/m ³	4 giờ
dung môi stoddard	LD50 Đường miệng	Thỏ	2.5 g/kg	-
xylene	LD50 Đường miệng	Chuột	12.9 g/kg	-
1-nitropropan	LD50 Đường miệng	Chuột	>5 g/kg	-
kẽm oxit	LD50 Ngoài da	Thỏ	1.7 g/kg	-
etyl benzen	LD50 Đường miệng	Chuột	4.3 g/kg	-
	LC50 Hít phải Bụi và sương	Chuột	0.455 g/kg	-
	LD50 Ngoài da	Chuột	>5700 mg/m ³	4 giờ
	LD50 Đường miệng	Chuột	>2000 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	>5000 mg/kg	-
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	LD50 Ngoài da	Chuột	17.8 mg/l	4 giờ
	LD50 Đường miệng	Thỏ	17.8 g/kg	-
1,2,4-trimethylbenzene	LD50 Ngoài da	Chuột	3.5 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Thỏ	3.48 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	8400 mg/kg	-
	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	18000 mg/m ³	4 giờ
	LD50 Đường miệng	Chuột	5 g/kg	-

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Kích ứng/Ăn mòn

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
xylene	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thở	-	24 giờ 500 mg	-

Kết luận/Tóm tắt

- Da** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
Mắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
Hô hấp : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Nhạy cảm

- Da** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
Hô hấp : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tính đột biến

- Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tính gây ung thư

- Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính sinh sản

- Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính gây quái thai

- Kết luận/Tóm tắt** : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
dimetyl cacbon	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp
xylene	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp
	Loại 3	-	Các tác dụng gây mê
1,2,4-trimethylbenzene	Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
dung môi stoddard	Loại 1	-	hệ thống thần kinh trung ương (CNS)
etyl benzen cristobalite (<10 microns)	Loại 2 Loại 1	- hít phải	cơ quan thính giác -

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Tên	Kết quả
dung môi stoddard	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
xylene	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
etyl benzen	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1

Mã sản phẩm	00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản	4.01
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM					

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|-------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Hít phải | : Có thể gây kích ứng hô hấp. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Lấy mờ trong da. |
| Nuốt phải | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- | | |
|-------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ |
| Hít phải | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: dị ứng đường hô hấp ho |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ khô da nứt da |
| Nuốt phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- | | |
|----------------------------------|---|
| Các tác dụng tức thời có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |
| Các tác dụng chậm có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |

Phơi nhiễm lâu dài

- | | |
|----------------------------------|---|
| Các tác dụng tức thời có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |
| Các tác dụng chậm có thể gặp | : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. |

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

- | | |
|-------------------|---|
| Tổng quát | : Có thể làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm mẩn mờ ở da và dẫn đến ngứa ngáy, nứt da và/hoặc bị viêm biếu bì. |
| Tính gây ung thư | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| Tính đột biến | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |
| Độc tính sinh sản | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Lộ trình	Giá trị ATE (Ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng	7357.68 mg/kg
Ngoài da	2414.14 mg/kg
Hít vào (các chất hơi)	44.38 mg/l
Hít vào (bụi và các thể sương)	5.52 mg/l

Thông tin cần thiết khác :

Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu. Chà nhám và nghiền bụi có thể có hại nếu hít phải. Phơi nhiễm lặp đi lặp lại với nồng độ hóa hơi cao có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp, tổn thương não và hệ thần kinh vĩnh viễn. Hít phải hơi/hơi phun tập trung quá giới hạn phơi nhiễm đề nghị gảy ra nhức đầu, chóng mặt và buồn nôn và có thể dẫn đến bất tỉnh hay tử vong. Có chứa chất có thể phát ra formaldehyde nếu được bảo quản quá thời hạn sử dụng và / hoặc trong quá trình bảo dưỡng ở nhiệt độ cao hơn 60C / 140F. Tránh tiếp xúc với da và quần áo.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
dimetyl cacbon kẽm oxit	Cấp tính LC50 >100 mg/l Cấp tính EC50 0.17 mg/l Cấp tính EC50 0.481 mg/l Nước ngọt	Cá Tảo Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	96 giờ 72 giờ 48 giờ
etyl benzen	mãn tính NOEC 0.017 mg/l Nước ngọt Cấp tính EC50 1.8 mg/l Nước ngọt mãn tính NOEC 1 mg/l Nước ngọt Cấp tính LC50 8.2 mg/l	Tảo Daphnia Daphnia - Ceriodaphnia dubia	72 giờ 48 giờ - 96 giờ
Solvent naphtha (petroleum), light aromatic	Cá		

Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiêm chung
etyl benzen	-	79 % - Dễ dàng - 10 ngày	-	-
Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa	
xylene etyl benzen	- -	- -	Dễ dàng Dễ dàng	

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
dimetyl cacbon dung môi stoddard	0.354 3.16 đẻ 7.06	- -	thấp cao
xylene	3.12	7.4 đẻ 18.5	thấp
1-nitropropan	0.79	-	thấp
etyl benzen	3.6	79.43	thấp
1,2,4-trimethylbenzene	3.63	120.23	thấp

Khả năng phân tán qua đất

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Hệ số phân cách đất/nước : Không có sǎn.
(Koc)

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thảm bỎ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chổ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và công rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN1263	UN1263	UN1263
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	PAINT	PAINT	PAINT
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	3	3	3
Quy cách đóng gói	III	III	III
Mối nguy cho môi trường	Vâng. Không cần dán nhãn chất độc hại với môi trường.	Yes.	Yes. The environmentally hazardous substance mark is not required.
Chất gây ô nhiễm biển	Không áp dụng.	(zinc oxide, Solvent naphtha (petroleum), light aromatic)	Not applicable.

Thông tin bổ sung

UN : Không nhận dạng được cái nào.

IMDG : The marine pollutant mark is not required when transported in sizes of ≤ 5 L or ≤ 5 kg.

IATA : Cần đóng dấu chất nguy hiểm cho môi trường nếu được quy định trong các quy định vận chuyển khác.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Mã sản phẩm 00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM			

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Vận chuyển số lượng lớn : Không áp dụng.
theo các công cụ IMO

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm : Chưa rõ có quy định quốc gia và/hoặc khu vực nào được áp dụng đối với sản phẩm này (bao gồm cả các thành phần của nó).

Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
benzen	Loại 1	
toluen	Loại 2	
xylene	Loại 2	
beryllium	Loại 2	
chromium	Loại 2	
Cadmium (Non-pyrophoric)	Loại 2	
lead monoxide	Loại 2	

Phân loại chất độc (TCVN 3164-79) : 4

Quy định quốc tế

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh	: 25 Tháng Mười 2021
Ngày phát hành lần trước	: 5/18/2021
Phiên bản	: 4.01
Chuẩn bị bởi	: EHS
Bảng từ viết tắt	<ul style="list-style-type: none"> : ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính BCF = Hệ số nồng độ sinh học GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IBC = Côngtenơ khổ trung IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải)) UN = Liên hợp quốc
Tham khảo	: Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Mã sản phẩm	00419374	Ngày phát hành	25 Tháng Mười 2021	Phiên bản	4.01
Tên sản phẩm HI-TEMP 1000 ALUMINUM					

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Người đọc lưu ý

Thông tin trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức khoa học kỹ thuật hiện tại. Mục đích của thông tin là tạo sự chú ý về khía cạnh sức khỏe và an toàn liên quan đến sản phẩm do PPG cung cấp, và đề xuất các biện pháp phòng ngừa khi lưu trữ cũng như xử lý sản phẩm. Các thuộc tính của sản phẩm không được chứng nhận hay đảm bảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được quy định trong bảng chỉ dẫn an toàn này hay sử dụng sản phẩm không đúng cách.